**PHỤ LỤC III**

**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG**

**NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ VÀ DÂN SỐ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND*

*ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

| **STT** | **Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước** |
| --- | --- |
| **I** | **Dịch vụ y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu.** |
| 1 | Dịch vụ tiêm chủng mở rộng đối với trẻ em, phụ nữ tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế bắt buộc đối với các bệnh truyền nhiễm thuộc Chương trình tiêm chủng mở rộng. |
| 2 | Dịch vụ tiêm chủng đối với người có nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm tại vùng có dịch bắt buộc phải sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế đối với các bệnh có vắc xin, sinh phẩm y tế phòng bệnh theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. |
| 3 | Dịch vụ tiêm chủng đối với người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử đến vùng có dịch. |
| 4 | Các dịch vụ phục vụ công tác giám sát, điều tra, xác minh dịch. |
| 5 | Các dịch vụ xử lý y tế (thực hiện các biện pháp sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế, cách ly y tế, tẩy uế, diệt tác nhân gây bệnh truyền nhiễm, trung gian truyền bệnh và các biện pháp y tế khác) để cắt đứt nguồn lây tại khu vực nơi có người bệnh hoặc ổ dịch truyền nhiễm. |
| 6 | Quản lý, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú. |
| 7 | Các dịch vụ phục vụ công tác kiểm tra, giám sát các điều kiện về vệ sinh lao động; môi trường làm việc của người lao động; phòng, chống bệnh nghề nghiệp; phòng, chống tai nạn thương tích; xử lý chất thải gây ô nhiễm môi trường. |
| 8 | Các dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng. |
| 9 | Các dịch vụ về khám, theo dõi sức khỏe định kỳ cho trẻ em và phụ nữ mang thai; chăm sóc sức khỏe ban đầu; tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục phù hợp với độ tuổi trẻ em. |
| **II** | **Dịch vụ khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng.** |
| 1 | Chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị người bệnh phong, tâm thần, HIV/AIDS giai đoạn cuối tại các cơ sở y tế công lập. |
| 2 | Khám và điều trị người mắc bệnh dịch thuộc nhóm A và một số bệnh thuộc nhóm B đang lưu trú tại vùng có dịch bệnh, người đang bị áp dụng các biện pháp cách ly y tế nhưng có dấu hiệu tiến triển thành mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định của Chính phủ. |
| 3 | Cấp cứu, điều trị người bị thiên tai, thảm họa theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. |
| 4 | Khám và điều trị ARV cho người nhiễm HIV/AIDS và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con. |
| 5 | Khám sức khỏe, chi phí điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho các đối tượng tham gia điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện trong cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, trại giam, trại tạm giam. |
| 6 | Khám và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone cho một số đối tượng theo quy định của pháp luật. |
| 7 | Khám và điều trị bệnh lao theo quy định của pháp luật. |
| 8 | Các dịch vụ khám, chữa bệnh trường hợp chưa tính đủ chi phí để thực hiện dịch vụ, nhà nước phải bảo đảm các chi phí chưa tính trong giá dịch vụ. |
| **III** | **Dịch vụ kiểm nghiệm, kiểm định** |
| 1 | Các dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, an toàn thực phẩm, kiểm định vắc xin, sinh phẩm y tế (bao gồm cả chi phí mua, vận chuyển, bảo quản mẫu) theo quyết định của cấp có thẩm quyền để phục vụ công tác quản lý nhà nước (thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa). |
| 2 | Các dịch vụ kiểm định, giám định, đánh giá trang thiết bị y tế, chất lượng dịch vụ y tế theo quyết định của cấp có thẩm quyền. |
| **IV** | **Dịch vụ giám định.** |
| 1 | Các dịch vụ giám định y khoa. |
| 2 | Các dịch vụ giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần. |
| **V** | **Dịch vụ y tế khác.** |
| 1 | Dịch vụ truyền thông, giáo dục sức khỏe về: phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm và bệnh chưa rõ nguyên nhân; phòng, chống bệnh nghề nghiệp; phòng, chống tai nạn thương tích; nâng cao sức khỏe; dinh dưỡng cộng đồng; an toàn thực phẩm và các yếu tố có hại đến sức khỏe và môi trường sống; sức khỏe trường học và phòng, chống bệnh tật học đường. |
| 2 | Các dịch vụ truyền thông, giáo dục, tư vấn nâng cao nhận thức của người dân về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số, giảm tỷ lệ chênh lệch giới tính khi sinh, tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, giảm tỷ lệ người chưa thành niên, thanh niên mang thai ngoài ý muốn. |
| 3 | Các dịch vụ về chỉ đạo tuyến, nâng cao năng lực cho tuyến dưới. |
| 4 | Các dịch vụ phục vụ sinh hoạt của người đang bị áp dụng các biện pháp cách ly y tế nhưng có dấu hiệu tiến triển thành mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định của Chính phủ. |
| 5 | Dịch vụ điều chế máu và các chế phẩm máu trong khi chưa được tính đủ chi phí. |
| 6 | Các dịch vụ phục vụ việc điều phối về hiến, lấy và ghép mô, bộ phận cơ thể người giữa ngân hàng mô và cơ sở y tế. |